TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 433/2022/DS-PT
Ngày: 27 - 12 - 2023
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2023 và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 11/2023/QĐ-PT ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Dương Hùng L, sinh năm: 1966 (vắng mặt);
2. Ông Dương Hùng H1, sinh năm: 1970 (vắng mặt);
3. Ông Dương Hùng T1, sinh năm: 1976 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 38, đường Trương Phùng Xuân, khóm 4, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Anh T2, sinh năm 1981; địa chỉ: Khóm 2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, theo giấy ủy quyền ngày 06/5/2021 (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Trần Văn H2, sinh năm: 1970; địa chỉ: Số 37, đường Trương Phùng Xuân, khóm 4, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Luật sư Trịnh Thanh Liệt, Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh Liệt, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phạm Thị T3, sinh năm: 1971 (vắng mặt);

2. Chị Trần Thúy V1, sinh năm: 1994 (vắng mặt);

3. Chị Trần Khánh V2, sinh năm: 1998 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 37, đường Trương Phùng Xuân, khóm 4, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Phạm Thị T3, Trần Thúy V1, Trần Khánh V2*: Ông Lê Minh C, sinh năm: 1965; địa chỉ số 215, đường Nguyễn Du, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, theo văn bản ủy quyền ngày 21/12/2020 (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Văn H2, bị đơn; bà Phạm Thị T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ông Dương Hùng T1, nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn trình bày:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2019, các nguyên đơn ông Dương Hùng L, ông Dương Hùng H1, ông Dương Hùng T1 yêu cầu ông Trần Văn H2 tháo dỡ toàn bộ kiến trúc trên đất đã mượn, trả lại cho các ông phần đất có tổng diện tích 129,3 m^2 tọa lạc tại số 37, đường Trương Phùng Xuân, khóm 4, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (theo bản vẽ đo đạc ngày 19/6/2019). Ngày 17/5/2021 các nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tăng thêm 34,3 m^2, nâng tổng diện tích đất tranh chấp là 168,8 m^2. Theo bản vẽ đo đạc thực tế ngày 12/4/2022 diện tích đất tranh chấp là l57,2 m^2. Vị trí tứ cận gồm điểm M5-M1 giáp đường Trương Phùng Xuân cạnh dài 8,29 m; điểm M1-M7 giáp đất ông Nguyễn Hùng Dũng cạnh dài 23,10 m; điểm M7-M6 giáp phần đất ông H2 đang tranh chấp cạnh dài 06 m; điểm M6-M5 giáp đất ông H2 đang tranh chấp cạnh dài 21,34 m.

Đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Dương Văn Xiển và cụ Trần Thị Cầm là ông, bà nội của các nguyên đơn (cụ Xiển chết năm 1958, cụ Cầm chết năm 1980). Khoảng năm 1954, cụ Xiển cho ông Dương Hảo Hiệp (chết năm 1996) và vợ là bà Trần Thị Lánh (chết năm 2009) mượn diện tích 45 m^2 (ngang 05 m, dài 09 m); cho bà Trần Thị Tồn (chết năm 2009) mượn diện tích 45 m^2 (ngang 05 m, dài 09 m) cất nhà ở. Thời gian sau, bà Tồn trả lại đất đi nơi khác sống. Ông Hiệp, bà Lánh mượn thêm phần đất của bà Tồn và có sử dụng thêm phần đất chiều dài phía sau đất đã mượn.

Khi cụ Xiển qua đời, nhà, đất và tài sản để lại cho con ruột là bà Dương Thị Năm quản lý (bà Năm chết ngày 26/3/2003). Ngày 18/4/1993, ông Hiệp ký "Tờ giao ước" với bà Dương Thị Năm có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường 8, thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau), nội dung không được mở rộng đất, khi qua đời con cháu không được đến ở, không được chuyển nhượng, không ở thì trả lại đất cho bà Năm. Nay ông Hiệp, bà Lánh đều đã qua đời, con nuôi ông Hiệp, bà Lánh là ông Trần Văn H2 tiếp tục sử dụng căn nhà của ông Hiệp, bà Lánh trên phần đất đã mượn trước đây.

Ngày 08/7/1993, bà Dương Thị Năm có "Tờ di chúc", nội dung giao toàn bộ tài sản và bất động sản bà Năm thừa hưởng của cụ Xiển cho 03 người cháu là ông Dương Hùng L, Dương Hùng H1, Dương Hùng T1 (cháu nội của cụ Dương Văn Xiển) có toàn quyền về mặt pháp lý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện các nguyên đơn yêu cầu ông H2 cùng gia đình tháo dỡ, di dời toàn bộ kiến trúc nhà trên đất đã mượn, trả lại tổng diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 12/4/2022 là 157,2 m^2. Các nguyên đơn thống nhất hỗ trợ di dời cho bị đơn số tiền 30.000.000đ.

Theo bị đơn trình bày:

Phần đất tranh chấp với các nguyên đơn là một phần của diện tích đất các cụ Dương Văn Xiển, Trần Thị Cầm cho ông Dương Hảo Hiệp, bà Trần Thị Lánh mượn ngang 05 m, dài 30 m, cho bà Tồn mượn ngang 05 m, dài 30 m liền kề nhau. Khi mượn đất, ông Hiệp, bà Lánh đã bồi đắp và cất nhà ở từ năm 1945. Khoảng năm 1953, bà Tồn đi nơi khác sống đã chuyển nhượng lại phần đất cho ông Hiệp, bà Lánh không làm văn bản.

Quá trình sử dụng, ông Hiệp đã nộp đủ thuế cho Nhà nước. Cụ Xiển, cụ Cầm qua đời xem như hai cụ đã cho ông Hiệp, bà Lánh phần đất đang quản lý, sử dụng. Vì việc chuyển nhượng đất giữa ông Hiệp, bà Lánh với bà Tồn cụ Xiển biết nhưng không phản đối. Ông Hiệp, bà Lánh đã cất lại nhà rộng ra ngang 8,5 m và bồi đắp lấn thêm ra phía sau để sử dụng, hai cụ không có ý kiến gì. Trước khi hai cụ mất cũng không đòi lại đất.

Đối với "Tờ giao ước" đứng tên Dương Hảo Hiệp do nguyên đơn giao nộp, chữ ký Dương Hảo Hiệp giống chữ ký của ông Hiệp, nhưng ông Hiệp sinh năm 1925, không phải sinh năm 1928. "Tờ giao ước" lập ngày 18/4/1993, đến ngày 04/6/1993 mới được chính quyền địa phương xác nhận. Nội dung xác nhận ghi hai bên đương sự nhưng không xác định các bên là ai nên không có căn cứ xác định một trong các bên đương sự đến trình chính quyền địa phương xác nhận là ông Dương Hảo Hiệp. Ông H2 không đồng ý "Tờ giao ước" là của ông Dương Hảo Hiệp vì nhà, đất là của ông Hiệp, bà Lánh nhưng chỉ có ông Hiệp làm giao ước nên không có giá trị.

Tại Biên bản lấy lời khai bà Dương Thị Năm ngày 16/7/1997, bà Năm thừa nhận đất ông Hiệp, bà Lánh mượn là đất của cụ Xiển cha bà Năm và là ông nội các nguyên đơn. Hai cụ Xiển, Cầm qua đời không để lại di chúc cho bà Dương Thị Năm. Do đó, Di chúc ngày 08/7/1993 của bà Năm không có giá trị. Di chúc không xác định rõ bà Năm để lại cho ông L, ông H1, ông T1 tài sản nào nên ông L, ông H1, ông T1 không có quyền khởi kiện đòi đất của hai cụ Xiển, Cầm đã cho ông Hiệp, bà Lánh.

Ông Hiệp, bà Lánh không có con ruột nên nhận ông Trần Văn H2 làm con nuôi. Ông Hiệp, bà Lánh có ý chí giao lại toàn bộ nhà, đất cho ông H2 và vợ, con ông H2. Vì vậy, ông H2 không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của Lâm, ông H1 và ông T1.

Ngày 28/6/2021, ông Trần Văn H2 có đơn phản tố: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi lại diện tích đất 163,6 m^2 và phản tố đề nghị công nhận phần đất còn lại 316,4 m^2 do bà Lánh đứng tên mục kê năm 1998, tổng cộng đề nghị Tòa án công nhận phần đất diện tích 480m^2, ngang 10m x dài 48m là của bị đơn.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2020, của bà Phạm Thị T3 thể hiện:

Bà làm dâu trong gia đình ông Dương Hảo Hiệp, bà Trần Thị Lánh từ năm 1993. Ông Hiệp, bà Lánh không có con ruột nên nhận ông H2 chồng bà làm con nuôi. Căn nhà gắn liền với đất cho vợ chồng bà nhưng phải phụng dưỡng và thờ cúng cha mẹ chồng. Ông Hiệp, bà Lánh qua đời, vợ chồng bà có sửa chữa lại nhà để ở và thờ cúng cha mẹ chồng. Bà đi làm ăn xa từ năm 2018, nhà, đất do ông H2 quản lý, thờ cúng cha mẹ. Nhà, đất không phải tài sản của ông L, ông H1, ông T1 nên yêu cầu Tòa án bác khởi kiện của các nguyên đơn, giữ nguyên hiện trạng nhà, đất cho gia đình bà.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2020, của chị Trần Thúy V1 thể hiện:

Ông nội chị là ông Dương Hảo Hiệp qua đời năm 1996, chị sống với cha mẹ và bà nội tên Trần Thị Lánh. Khi sống, bà Lánh có nói khoảng năm 1945, cụ Dương Văn Xiển có cho bà nội một nền nhà ngang 05 m, dài 30 m và cho bà cô là bà Trần Thị Tồn một nền nhà ngang 05 m, dài 30 m, hai nền liền nhau. Ông bà nội và bà Tồn cất 02 căn nhà ở từ năm 1945, đến năm 1953, bà Tồn bán lại nhà cho ông bà nội. Ông bà nội đã cất lại nhà trên hai phần đất. Bà nội nói nhà, đất để lại cho cha mẹ và chị em chị. Chị Thúy Vy theo mẹ đi làm ăn xa từ năm 2018, nhà, đất do cha quản lý, thờ cúng ông bà. Chị Thúy Vy yêu cầu Tòa án giữ nguyên nhà, đất cho gia đình.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2020, của chị Trần Khánh V2 thể hiện:

Lúc chị khoảng 9 đến 10 tuổi, bà Nội có nói căn nhà và phần đất để lại cho cha mẹ và chị em chị. Bà nội giao chị thờ cúng ông bà. Chị theo mẹ đi làm ăn xa từ năm 2018, nhà, đất do cha quản lý, thờ cúng ông bà. Chị Khánh Vy yêu cầu Tòa án giữ nguyên căn nhà và phần đất tranh chấp cho gia đình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau quyết định: Căn cứ các Điều 164, 166, 168 Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 103 Luật đất đai;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Dương Hùng L, ông Dương Hùng H1, ông Dương Hùng T1. Buộc ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị T3, chị Trần Thúy V1, chị Trần Khánh V2 tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, kiến trúc tọa lạc tại số 37, đường Trương Phùng Xuân, khóm 4, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau trên phần đất thuộc một phần thửa đất số 178, tờ bản đồ số 10 (Bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2008), trả lại phần đất đã mượn cho ông Dương Hùng L, Dương Hùng H1, Dương Hùng T1 với tổng diện tích theo đo đạc là 129,3 m^2.

Buộc ông Dương Hùng L, Dương Hùng H1, Dương Hùng T1 phải trả cho ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị T3 công sức gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất với tổng số tiền là 350.273.000 đồng.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 24/2021/DS-PT ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định: Căn Cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau quyết định: Căn cứ các Điều 164, 166,

168 của Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 203 Luật Đất đai; các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hùng L, Dương Hùng H1, Dương Hùng T1.

Buộc ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị T3, chị Trần Khánh V2, chị Trần Thúy V1 phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, kiến trúc tọa lạc tại số 37, đường Trương phùng Xuân, khóm 4, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau trên phần đất thuộc một phần thửa đất số 178, 179 tờ bản đồ số 10 (Bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2009), trả lại phần đất cho ông Dương Hùng L, Dương Hùng H1, Dương Hùng T1 theo sơ đồ đo đạc thực tế trên thực địa của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc - Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ngày 25/3/2022 có kích thước:

Chiều ngang cạnh mặt tiền vị trí M5-M1 dài 8,29m; chiều ngang cạnh mặt hậu vị trí M6-M7 dài 06 m; chiều dài cạnh giáp Dương Hùng L vị trí M5-M6 dài 21,34m; chiều dài cạnh giáp Nguyễn Hùng Dũng vị trí M1-M7 dài 23,10m; tổng diện tích 157,2m^2.

2. Không chấp nhận phản tố của bị đơn về việc công nhận phần đất có diện tích 480m^2 (bao gồm cả phần đất nguyên đơn tranh chấp theo đo đạc thực tế 378,5m^2). Cụ thể Chiều ngang cạnh mặt tiền vị trí M4-M1 dài 09m; chiều ngang cạnh mặt hậu vị trí M3-M2 dài 09 m; chiều dài cạnh giáp Dương Hùng L vị trí M4-M3 dài 38,92m; chiều dài cạnh giáp Nguyễn Hùng Dũng vị trí M1-M2 dài 41,90m.

3. Buộc ông Dương Hùng L, Dương Hùng H1, Dương Hùng T1 phải trả cho ông Trần Văn H2 100.000.000 đồng tiền hỗ trợ di dời.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án; án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/10/2022, ông Dương Hùng T1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ di dời cho bị đơn số tiền 30.000.000đ.

Ngày 06/10/2022, ông Trần Văn H2 và bà Phạm Thị T3 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của các nguyên đơn; giữ nguyên hiện trạng nhà, đất cho gia đình ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của ông Trần Văn H2 tranh luận: Nguồn gốc đất của cụ Xiển, cụ Cầm cho ông Hiệp, bà Lánh mượn sử dụng nhiều năm không bị đòi lại. Bị đơn sử dụng đất ổn định, thời gian dài, qua nhiều lần thay đổi chính sách đất đai. Đất cụ Xiển, cụ Cầm để lại cho bà Năm không có diện tích. Bà Năm di chúc để lại tài sản cho ông L, ông H1, ông T1 không có diện tích. Giấy tờ cụ Xiển đăng ký không có diện tích đất của bị đơn. Từ đó, cho thấy không có căn cứ để các nguyên đơn đòi lại đất đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định;

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T3; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Hùng T1; sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng: Buộc ông Trần Văn H2 cùng gia đình tháo dỡ, di dời nhà và tài sản trả lại diện tích đất tranh chấp cho các nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn hỗ trợ di dời cho ông H2 số tiền 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Hùng T1, của bị đơn ông Trần Văn H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T3, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Đất tranh chấp tọa lạc tại số 37, đường Trương Phùng Xuân, khoám 4, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được các bên đương sự thừa nhận có nguồn gốc là của vợ chồng hai cụ Dương Văn Xiển, Trần Thị Cầm là cha của bà Dương Thị Năm và là ông bà nội của các nguyên đơn Dương Hùng L, Hùng Hùng Hải, Dương Hùng T1, do vợ chồng ông Dương Hảo Hiệp, bà Trần Thị Lánh sử dụng từ trước năm 1975 đến khi qua đời để lại cho vợ chồng người con nuôi là ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị T3 hiện tiếp tục sử dụng.

[2] Theo nguyên đơn, khoảng năm 1954, cụ Xiển, cụ Cầm cho vợ chồng ông Dương Hảo Hiệp, bà Trần Thị Lánh và bà Trần Thị Tồn mượn mỗi hộ mượn 45 m^2 (ngang 05 m, dài 09 m) để cất nhà ở. Sau đó, bà Tồn đi nơi khác sống, ông Hiệp, bà Lánh mượn sử dụng luôn cả diện tích đất của bà Tồn. Cụ Xiển, cụ Cầm có 08 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất đều đã chết. Các cháu thuộc hàng thừa kế thứ hai đều xác định khi qua đời hai cụ giao lại tài sản cho bà Dương Thị Năm, các con, cháu không ai tranh chấp. Ngày 08/7/1993, bà Dương Thị Năm có di chúc giao lại tài sản cho các cháu là Dương Hùng L, Dương Hùng H1, Dương Hùng T1 (con của ông Dương Minh Khôi em ruột bà Năm) có chính quyền địa phương xác nhận. Ông Hiệp có văn bản "Tờ giao ước" với bà Năm có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 18/4/1993, nội dung thừa nhận mượn đất và cam kết trả lại khi chết hoặc không còn sử dụng. Từ đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H2, bà T3 cùng các con tháo dỡ nhà trả lại đất. Nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ tháo dỡ, di dời 30.000.000 đồng.

[3] Theo bị đơn, khoảng năm 1945, ông Hiệp, bà Lánh, bà Tồn có mượn đất của cụ Xiển, cụ Cầm cất nhà ở. Khoảng năm 1953, bà Tồn đi nơi khác sống đã bán nhà lại cho ông Hiệp, bà Lánh. Các cụ Xiển, Cầm đã thống nhất tặng cho đất cho ông Hiệp, đồng ý bà Tồn nhượng lại đất không có ý kiến gì, không yêu cầu trả đất. Bà Lánh đứng tên mục kê thửa số 64, tờ bản đồ 28, diện tích 480 m^2, quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài, có nộp thuế cho Nhà nước nên không đồng ý trả lại đất. Bị

đơn phản tố yêu cầu công nhận diện tích đất 480 m^2 (ngang 10 m, dài 48 m) cho bị đơn.

[4] Xét việc cụ Xiển, cụ Cầm cho ông Hiệp, bà Lánh mượn đất là có, được các bên thừa nhận. Bị đơn trình bày cụ Xiển, cụ Cầm đã đồng ý tặng cho đất cho ông Hiệp, bà Lánh nhưng không có chứng cứ chứng minh, chỉ dựa vào thời gian dài sử dụng đất không bị đòi lại. Căn cứ Tờ giao ước có chính quyền địa phương ký xác nhận ngày 18/4/1993 thể hiện ông Hiệp thừa nhận mượn đất, đồng ý trả đất cho bà Năm, cùng lời khai của bà Lánh năm 1997 tại Tòa án thị xã Cà Mau (nay là thành phố Cà Mau) thể hiện đồng ý trả đất khi mua được nhà ở nơi khác, thời hạn 10 năm hoặc sớm hơn. Điều này cho thấy không có việc cụ Xiển, cụ Cầm cho đất ông Hiệp, bà Lánh. Có cơ sở kết luận đất ông Hiệp bà Lánh ở, nay ông H2 quản lý là mượn của cụ Xiển, cụ Cầm như án sơ thẩm đã xử là đúng.

[5] Thực tế quá trình sử dụng đất nguyên đơn, bị đơn đều có cất nhà sinh sống trên đất nhiều năm, qua nhiều thế hệ nhưng cả nguyên đơn, bị đơn đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ có đăng ký sổ mục kê. Cụ thể: Theo sao lục họa đồ trước năm 1975 đất do cụ Dương Văn Xiển đứng tên tại ô 16, tờ 15, sổ địa bộ 301, diện tích 1.734 m^2. Theo sổ mục kê, tờ bản đồ số 28 năm 1998 thể hiện: Ông Dương Hùng L đứng tên thửa 63, tờ bản đồ 28, diện tích 1.186,2 m^2. Bà Trần Thị Lãnh đứng tên thửa 64, tờ bản đồ số 28, diện tích 480 m^2 (không phải bà Trần Thị Lánh đứng tên như bị đơn trình bày). Tại sơ đồ chỉnh lý năm 2009 thể hiện: Ông Dương Hùng L đứng tên thửa 178, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.131,3 m^2. Không còn thửa đất bà Trần Thị Lãnh đứng tên. Như vậy, đồng nghĩa với hiện tại, ông Dương Hùng L là người đứng tên trong mục kê sử dụng phần đất tranh chấp. Bà Lánh, ông H2 không có tên trong mục kê đăng ký đứng tên sử dụng đất.

[6] Về yêu cầu của bị đơn cho rằng các nguyên đơn không có quyền khởi kiện vì đất của cụ Xiển, cụ Cầm không có di chúc cho bà Năm. Bà Năm có di chúc để lại tài sản cho các ông L, Hải, Thắng nhưng không thể hiện có phần đất tranh chấp nên các nguyên đơn không có quyền khởi kiện. Xét thấy, cụ Xiển mất năm 1958, cụ Cầm mất năm 1980. Hai cụ có 08 người con đều đã mất. Trong đó bà Năm là người sống cùng với hai cụ Xiển và Cầm. Khi qua đời hai cụ không có di chúc, các con, cháu hai cụ không ai tranh chấp thừa kế nên mặc nhiên bà Năm là người được thừa hưởng di sản của hai cụ. Bà Năm mất năm 2003, không có con, trước khi mất có di chúc để lại di sản cho các cháu là ông L, ông H1, ông T1 có xác nhận của chính quyền địa phương. Hiện tại các đồng thừa kế của các nguyên đơn không tranh chấp về tài sản. Do đó, ông L, ông H1, ông T1 là người có quyền được hưởng di sản của bà Năm để lại án sơ thẩm xác định ông L, ông H1, ông T1 có quyền khởi kiện đòi lại tài sản là có căn cứ pháp luật.

[7] Từ các cơ sở chứng cứ nhận định nêu trên, xét thấy án sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Dương Hùng L, ông Dương Hùng H1, ông Dương Hùng T1 buộc ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị T3, chị Trần Thúy V1, chị Trần Khánh V2 dỡ nhà trả lại diện tích đất tranh chấp cho các nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Xét kháng cáo của ông Dương Hùng T1 chỉ đồng ý hỗ trợ di dời nhà cho ông H2 30.000.000 đồng, không đồng ý hỗ trợ 100.000.000 đồng thấy rằng: Mặc dù các nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ 30.000.000 đồng, nhưng thực tế căn nhà đã cũ, khi di dời có bị thiệt hại. Hơn nữa gia đình ông Hiệp, bà Lánh có thời gian dài sinh sống trên đất, ít nhiều cũng có công bồi đắp, gìn giữ đất. Tuy bị đơn không yêu cầu xem xét công đầu tư, tôn tạo đất nhưng án sơ thẩm buộc các nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn di dời nhà 100.000.000 đồng cao hơn sự tự nguyện của nguyên đơn là xem như có xem xét hỗ trợ di dời và công gìn giữ, tôn tạo trên đất nên cần được giữ y.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Hùng T1, kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T3; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ các Điều 164, 166, 168 của Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 203 Luật Đất đai;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hùng L, Dương Hùng H1, Dương Hùng T1.

Buộc ông Trần Văn H2, bà Phạm Thị T3, chị Trần Khánh V2, chị Trần Thúy V1 phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, kiến trúc tọa lạc tại số 37, đường Trương phùng Xuân, khóm 4, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau trên phần đất thuộc một phần thửa đất số 178, 179 tờ bản đồ số 10 (Bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2009), trả lại phần đất cho ông Dương Hùng L, Dương Hùng H1, Dương Hùng T1 theo sơ đồ đo đạc thực tế trên thực địa của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc - Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ngày 25/3/2022 có kích thước:

Chiều ngang cạnh mặt tiền vị trí M5-M1 dài 8,29m; chiều ngang cạnh mặt hậu vị trí M6-M7 dài 06 m; chiều dài cạnh giáp Dương Hùng L vị trí M5-M6 dài 21,34m; chiều dài cạnh giáp Nguyễn Hùng Dũng vị trí M1-M7 dài 23,10m; tổng diện tích 157,2m^2.

- Không chấp nhận phản tố của bị đơn, về việc công nhận phần đất có diện tích 480 m^2 (bao gồm cả phần đất nguyên đơn tranh chấp theo đo đạc thực tế 378,5 m^2). Cụ thể: Chiều ngang cạnh mặt tiền vị trí M4-M1 dài 09 m; chiều ngang cạnh mặt hậu vị trí M3-M2 dài 09 m; chiều dài cạnh giáp Dương Hùng L vị trí M4-M3 dài 38,92 m; chiều dài cạnh giáp Nguyễn Hùng Dũng vị trí M1-M2 dài 41,90 m.

- Buộc ông Dương Hùng L, Dương Hùng H1, Dương Hùng T1 phải trả cho ông Trần Văn H2 100.000.000 hỗ trợ di dời.

3. Căn cứ các Điều 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T1 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo Biên lai số 0002182 ngày 14/10/2022 được chuyển thu án phí. Ông H2, bà T3 mỗi người phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp mỗi người 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo Biên lai số 0002139 và 0002140 ngày 11/10/2022 được chuyển thu án phí.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Nhân